

CƠ CẤU XÃ HỘI VÀ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI Ở CÁC NƯỚC

VAI TRÒ CỦA XÃ HỘI HỌC TRONG VIỆC ĐẨY MẠNH SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI XÔ –VIỆT

ZAXLAVXKAIA T.I

Đường lối của đại hội lần thứ XXVII Đảng Cộng sản Liên Xô về việc đẩy nhanh sự phát triển kinh tế và xã hội của đất nước ngày càng trở thành hiện thực. Đảng đã thật sự tiến hành một công việc khổng lồ nhằm xóa bỏ những hiện tượng xa lạ với chủ nghĩa xã hội, khắc phục những “chướng ngại vật” trên con đường về phía trước: xây dựng lại hệ thống quản lý kinh tế, mở rộng quyền hạn của các xí nghiệp; dẹp bỏ những trở ngại đối với hoạt động lao động cá thể và lao động gia đình; cải tạo hệ thống giáo dục; tiến hành đấu tranh tích cực với các thu nhập phi lao động, tệ nghiện rượu các hiện tượng tiêu cực; đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu; những thay đổi thực sự to lớn đưng chạm đến văn học, điện ảnh, sân khấu và các loại nghệ thuật khác. Điều chủ yếu là kiên quyết khắc phục thói quen nói một nửa sự thật, mà về một ý nghĩa nào đó nó còn tệ hơn cả nói dối. Một lần nữa, chúng ta phải học cách nhìn thẳng, vào sự thật, và chỉ riêng sự kiện này cũng đánh giá bằng tất cả những gì còn lại.

Trên đất nước không chỉ đơn giản tiến hành cải tổ toàn bộ hệ thống các quan hệ xã hội mà đang mở ra cuộc đấu tranh căng thẳng giữa những con người gắn bó nhiệt thành với những biến chuyển cơ bản và các nhóm xã hội sẵn sàng làm tất cả để không có gì thay đổi. Đành phải như vậy, không còn đường nào khác. Lịch sử chứng minh rằng, không một sự cải tạo xã hội thực sự nghiêm chỉnh nào mà không có sự đấu tranh gay gắt của các lực lượng xã hội khác nhau. Cuộc cải tổ các quan hệ xã hội càng tăng nhịp độ, thì mức độ ác liệt của cuộc đấu tranh này cũng tăng lên. Và điều đó, như tôi đã nói, là bằng chứng về tính cách mạng của các thay đổi đang diễn ra.

“Đồng thời – Hội nghị toàn thể ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô tháng 1-1987 nhận xét - chúng ta thấy rằng, sự thay đổi theo hướng hoàn thiện diễn ra dần dần, sự nghiệp cải tổ hóa ra là khó khăn hơn, các nguyên nhân của những vấn đề đã tích lũy hóa ra sâu sắc hơn những điều chúng ta hình dung trước kia”. Trong những định kiến mới, mỗi tập thể lao động, mỗi nhóm nghề nghiệp cần làm sáng tỏ một cách rõ ràng vị trí của mình trong việc cải tổ các quan hệ xã hội. Điều đó liên quan đến các nhà xã hội học. Cần xác định phương hướng công tác có thể giúp cho việc cải tổ, đánh giá thẳng thắn tình trạng đã hình thành trong khoa học của chúng ta, giải thích các hiện tượng kìm hãm sự phát triển của nó, lập hệ thống những biện pháp cần đó để nâng cao thực sự hiệu quả của xã hội học.

Chúng ta cần nói thẳng, trong một thời gian dài, khoa học xã hội không ở vị trí tiên phong, mà ở vị trí hậu vệ của xã hội. Thực chất, nó đã đi sau thực tiễn, và bị đóng khung với mức độ đáng kể, ở những điều lặp lại, giải thích và tán đồng các nghị quyết đã được thông qua của Đảng. Trong các điều kiện mới, điều này không thể chấp nhận được. Khoa học cần phải nghiên cứu không chỉ những giai đoạn đã qua, mà cả những giai đoạn sắp tới, báo trước cho xã hội những khó khăn đang chờ đợi, lập ra các phương án giải quyết đối lập nhau và đề ra phương án lựa chọn tối ưu. Hoạt động khoa học được định hướng như thế không những có thể, mà thực sự trở thành một động lực tích cực, một vũ khí quan trọng của cải tổ.

Nhưng, để trở thành vũ khí như thế, khoa học xã hội cần xây dựng lại chính bản thân mình theo những yêu cầu mới. Tại hội nghị những người đứng đầu các bộ môn khoa học xã hội, đã chỉ ra sự dè dặt của tư

duy xã hội, sự thiếu lòng can đảm công dân, sự không mong muốn của các nhà khoa học bắt tay vào nghiên cứu những vấn đề mũi nhọn. Ủy ban Trung ương Đảng kêu gọi các nhà khoa học có những hành động táo bạo về khoa học, những tìm tòi sâu sắc, đập vỡ những lời rập khuôn và giáo điều trước kia. Nếu một vài năm trước, chỉ có thể hy vọng về việc hình thành sự nghiệp như thế thì bây giờ nó đã trở thành hiện thực. Nhưng liệu chúng ta có thể tin tưởng mà nói rằng, xã hội học, có đủ sức thỏa mãn những yêu cầu nào của thời đại, và không thỏa mãn được những yêu cầu nào?

Những nhiệm vụ mới của xã hội học.

Việc nâng cao vai trò của xã hội học liên hệ với điều là, mọi quyết định đều đụng chạm đến sự quan tâm của xã hội, thay đổi vị trí và biến đổi hành vi của rất nhiều các nhóm có quan hệ với nhau. Để đề ra chiến lược cải tổ, các cơ quan quản lý cần có thông tin đầy đủ, chính xác, đúng đắn về nhu cầu, sở thích, giá trị, hành vi của các nhóm xã hội trong những điều kiện khác nhau, về những ảnh hưởng có thể có của những hành vi này đến các quá trình xã hội.

Cần phải đề ra những vấn đề về chính sách xã hội của Đảng, xác định tỉ mỉ mục đích của chính sách đó, cụ thể hóa những quan hệ của chúng với nhau. Cần phải chia các giai đoạn chủ yếu trong việc hiện thực hóa chương trình xã hội, đưa ra hệ thống các biện pháp thực tiễn đưa nó vào cuộc sống, phân loại những biện pháp này, có tính đến đặc điểm của từng vùng khác nhau của đất nước, các nhóm xã hội, nhân khẩu, các nhóm nghề nghiệp, các nhóm ngành nghề và các nhóm khác.

Xã hội học đóng vai trò không nhỏ trong việc cụ thể hóa đường lối của Đảng đẩy nhanh sự phát triển kinh tế. Mặc dù phương hướng tổng quát của sự nghiệp cải tổ quản lý đã được đưa ra chi tiết ở Đại hội, việc thực hiện nó trong thực tiễn đòi hỏi hàng trăm và hàng nghìn các quyết định có suy nghĩ và có căn cứ, mang tính chất riêng biệt hơn (ví dụ như khâu nào của quản lý là thừa, dạng lao động cá thể nào phục vụ cho việc củng cố và phát triển, dạng nào hạn chế, sự phân hóa nào của các hình thức lao động là đúng đắn; hình thức nào là quá mức v.v...) cần xác định đúng đắn các nhóm quan trọng nhất có quan hệ qua lại với nhau trong kinh tế, nghiên cứu những điều kiện hoạt động cụ thể của các nhóm đó, quan hệ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, nội dung và phương pháp hiện thực hóa các nhu cầu, phối hợp lợi ích của các nhóm với xã hội v.v... Những nghiên cứu hệ đề tài này đã cho những kết quả đáng chú ý.

Một nhiệm vụ không kém phần quan trọng của xã hội học là thỏa mãn công tác quản lý cải tổ bằng những mối “liên hệ ngược” đáng tin cậy. Chính sự thông qua những quyết định đúng đắn và cần thiết của các cơ quan quản lý cao cấp tuyệt nhiên không phải là bước cuối cùng, mà đúng hơn, là bước dự kiến trên con đường cải tạo hiện thực tiếp theo, những quyết định này “được phủ đầy” bởi vô số những quy chế cụ thể của nó, được thuyết minh bởi các bộ và chính quyền địa phương: hoặc là làm cho chúng có hiệu quả hơn, hoặc là ngược lại làm xấu đi, gây ra những hậu quả tiêu cực. Điều đó khiến cho cần phải có sự kiểm tra xã hội học thường xuyên đối với quá trình thực hiện các quyết định để thúc đẩy quá trình cải tổ trong toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Không thể quên chức năng quan trọng nhất của xã hội học là hình thành ở mọi người tư duy xã hội học. Tích cực hóa nhân tố con người, khác phục tính lãnh đạm xã hội xuất hiện trong giai đoạn trước đây ở một phần đáng kể xã hội. Đó là điều kiện chủ yếu cho thành công trong hoạt động giáo dục của Đảng. Chúng ta đều biết rằng ngày nay người ta đã tốn bao sức lực và phương tiện khoa học đi tìm kiếm phương pháp giải phóng và sử dụng năng lượng nguyên tử một cách hòa bình. Việc giải phóng năng lượng xã hội của con người, định hướng họ theo chiều hướng cần thiết cho xã hội là nhiệm vụ có quy mô không nhỏ và có lẽ không kém phức tạp. Và chính các nhà xã hội học phải thực hiện nhiệm vụ này. Bằng việc xuất bản rộng rãi sách báo, phát biểu trên radiô, vô tuyến truyền hình, trên các diễn đàn khác nhau, chúng ta phải phát triển cụ thể nhận thức xã hội, hướng đến việc giải quyết tập thể những vấn đề chung.

Như chúng ta thấy sự nghiệp cải tổ đặt ra cho xã hội học những yêu cầu cao và đa dạng. Chúng ta đã

sẵn sàng thực hiện hay chưa? Câu hỏi nghiêm chỉnh này cần được trả lời nghiêm chỉnh, tức là cần đánh giá khách quan tình trạng hiện tại của xã hội học ở Liên Xô. Đồng thời, tôi sẽ lưu ý những thành tựu là những vấn đề cơ bản của xã hội học xô viết.

Trong một phần tư thế kỷ gần đây, xã hội học Liên Xô đã đạt được những thành tựu nhất định. Địa vị pháp lý của nó như một khoa học độc lập đã được thiết lập ít nhiều. Hội xã hội học liên Xô tập hợp gần 6 nghìn hội viên cá nhân và 1,2 nghìn hội viên tập thể, con số các nhà xã hội học trong các nước đạt tới 15 - 20 nghìn. Ngoài viện xã hội học chuyên ngành, trong hệ thống của Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô và các nước cộng hòa có 40 cơ quan xã hội học làm việc. Trong nhiều khoa về khoa học xã hội của các trường đại học đã thành lập các tập thể xã hội học có năng lực chuyên nghiên cứu xã hội học.

Tình hình nổi bật là sự tăng cường nỗ lực thực tế của các nghiên cứu xã hội học. Các tổ chức xã hội (xô-viết, hội đồng) nghiên cứu những vấn đề xã hội ở các ủy ban Đảng huyện, thành phố, khu vực và các nước cộng hòa đóng vai trò to lớn trong việc cung cấp thông tin cho hoạt động quản lý. Theo đánh giá ước lượng có khoảng 3 - 4 nghìn người làm công tác xã hội học trong ngành công nghiệp và các ngành khác của nền kinh tế quốc dân.

Tạp chí “Nghiên cứu xã hội học” xuất bản đã 13 năm cách đây 3 năm, nó sát nhập với tạp chí “Thông tin” của phân Viện Xibia. Viện hàn lâm khoa học Liên Xô. Có hệ sách “Kinh tế học và xã hội học ứng dụng”. Đã có những bước đầu tiên nhằm xây dựng nền giáo dục đại học về xã hội học ở nước ta. Hàng năm có 15 - 20 luận án tiến sĩ và 50 luận án phó tiến sĩ bảo vệ về chuyên ngành “Xã hội học ứng dụng”. Số lượng các bài báo đề tài xã hội học đang tăng lên.

Các tập thể khoa học lớn đã hình thành và hoạt động có kết quả, ca về chuyên môn “thuần túy” xã hội học, lẫn chuyên môn xã hội - kinh tế, xã hội - nhân khẩu, xã hội pháp luật, có đặc điểm là được chuyên môn hóa cao. Các tập thể này tổ chức lao động trên cơ sở các dự án nghiên cứu khổng lồ, sử dụng rộng rãi cách tiếp cận hệ thống các phương pháp kiểm tra lẫn nhau đáng tin cậy, có tham khảo kinh nghiệm tổ chức nghiên cứu xã hội học trên thế giới. Nhưng điều chủ yếu đặc trưng cho hoạt động của các tập thể này là tính cân đối của các phương hướng nghiên cứu lý luận và kinh nghiệm, sự giải thích sâu sắc và tương đồng các kết quả nhận được.

Tôi xin dẫn ra đây những nghiên cứu được tiến hành trong các năm qua về những chỉ số phát triển của Liên Xô, về lối sống của cư dân thành thị và nông thôn, các hành vi nhân khẩu của dân cư (Viện Nghiên cứu xã hội học), vấn đề phát triển xã hội của các khu vực ruộng đất ở Xibia, cơ chế xã hội và sự phát triển kinh tế của Liên Xô (Viện Kinh tế học và tổ chức sản xuất công nghiệp. Phân viện Xibia Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô), những vấn đề xã hội - kinh tế của phúc lợi (Viện - Toán kinh tế trung ương), những khía cạnh giá trị của ý thức và hành vi trong lĩnh vực lao động trường đại học tổng hợp Odetxa), những vấn đề dân tộc học xã hội của thành thị và nông thôn (Viện Dân tộc học - Viện hàn lâm khoa học Liên Xô), những vấn đề xã hội của quản lý kinh tế và Nhà nước (Viện Nhà nước và pháp luật - Viện hàn lâm khoa học Liên Xô). Những nghiên cứu đáng chú ý cũng được hình thành ở Viện Phong trào công nhân quốc tế Viện hàn lâm khoa học Liên Xô, Viện hàn lâm khoa học xã hội trực thuộc Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên Xô, trường đại học hàng không Ufa, trường đại học bách khoa permo và nhiều trường đại học khác. Những kết quả nhận được đã được sử dụng tích cực trong việc hình thành các quan điểm phát triển xã hội và các yếu tố của cơ cấu xã hội.

Nói chung xã hội học xô-viết có tiềm năng không nhỏ. Tuy nhiên nhịp độ phát triển của nó trong 10 - 15 năm gần đây đặc biệt thấp. Do đó chúng ta có thể nói rằng hiện nay ở Liên Xô, xã hội học yếu hơn nhiều so với ở Ba Lan hoặc Hungari, và ở các nước tư bản phát triển. Nếu như chúng ta chỉ xuất bản một tạp chí chuyên ngành xã hội học, thì ở Mỹ, chỉ riêng Hội xã hội học đã xuất bản 7 tờ tạp chí, và số tạp chí xã hội học nói chung là vài chục tờ. Nếu như năm 1989 chúng ta sẽ có một trăm các nhà xã hội học chuyên nghiệp có trình độ đại học được đào tạo ra trường thì 226 khoa xã hội học ở mỹ hàng trăm đào tạo 6 nghìn

chuyên gia, gần 90 nghìn người Mỹ có kiến thức xã hội học cơ sở. Nếu ở chúng ta, giáo trình chuyên môn xã hội học được đọc chỉ ở rất ít trường đại học thì ở Mỹ - tại tuyệt đại đa số các trường đại học (92%). Tất cả những điều đó nói lên sự lạc hậu thật sự của xã hội học xô-viết so với “tiêu chuẩn thế giới”.

Trong những điều kiện phát triển chậm trễ của xã hội, tình hình đó không hề làm cho người ta lo lắng. Thêm vào đó, ở một bộ phận cán bộ của bộ máy quản lý xã hội học thường nảy sinh nhiều vấn đề gay gắt khiến cho họ không những không đồng tình mà hồ thẹn. Nhưng mọi việc đã thay đổi. Trong những điều kiện cải tổ, sự lạc hậu của xã hội học trở thành vật cản trên con đường chuyển xã hội chúng ta về phía trước. Để tính cực góp phần đẩy nhanh sự phát triển xã hội, xã hội học trước hết cần tự phát triển nhanh chóng về số lượng, và đặc biệt là về chất lượng. Nhưng đạt được điều đó bằng cách nào? Để trả lời câu hỏi này, có lẽ cần làm sáng tỏ những nguyên nhân của tình hình đã qua.

Trước hết, không thể không thừa nhận rằng trình độ chuyên môn của nhiều công trình xã hội học còn ở mức thấp. Hoàn toàn không hiếm những sự giải thích, sao chép sơ lược các vấn đề, tính đại diện yếu của các tài liệu, việc xây dựng hàng loạt kế hoạch phát triển xã hội được tính toán theo một khuôn mẫu thống nhất. Để những nghiên cứu xã hội học trở thành phương tiện tích cực của cải tổ, cần phải làm sâu sắc hóa chúng, liên hệ với các lý luận cơ bản, đẩy mạnh tìm tòi sáng tạo. Những bước quan trọng theo hướng này là chuyển các lập thể xã hội học từ sự mô tả theo truyền thống những cơ cấu và động lực của các đối tượng nghiên cứu sang giải thích cơ chế xã hội tái sản xuất chúng. Ví dụ, Viện Kinh tế học và tổ chức sản xuất công nghiệp Phân viện Xibia – Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô từ năm 1981 đã nghiên cứu cơ chế phát triển kinh tế bao gồm hai tiểu hệ thống: sự quản lý có kế hoạch của Nhà nước nền kinh tế và các hành vi tự phát của các nhóm xã hội. Khi nghiên cứu sự tương tác của các tiểu hệ thống này các nhà xã hội học đi đến chỗ xác định, một mặt, hành vi của các nhóm thay đổi tùy theo sự tác động quản lý của Nhà nước, mặt khác cơ chế kinh tế của quản lý phù hợp với hành vi kinh tế của các nhóm. Nhận thức được cơ chế xã hội này, theo tôi hình dung sẽ cho phép nâng cao hiệu lực và tính cụ thể của các kiến nghị đối với cơ quan quản lý. Các nhà khoa học khác, với những thành tựu không nhỏ cũng nghiên cứu cơ chế xã hội của quan hệ phân phối, sự tái sản xuất tội phạm, sự ăn bám, tệ nghiện rượu v.v... Cách tiếp cận như thế cho khả năng đẩy mạnh đấu tranh không chỉ với những triệu chứng riêng biệt, mà cả những căn bệnh thực sự. Tuy nhiên, nó phát triển còn yếu. Chúng ta thừa nhận sự đóng góp của xã hội học vào việc hình thành cách nói lên “một nửa sự thật” đối với những vấn đề của xã hội chúng ta. Nhiều nghiên cứu xã hội học tiến hành trong những năm 70 - đầu những năm 80 không tránh được tô vẽ sự thật.

Khi thu thập các yếu tố tích cực, các nhà xã hội học đã nhằm mắt làm ngơ trước sức mạnh của các hiện tượng tiêu cực. Trong hàng loạt trường hợp, các kết quả kinh nghiệm đã được “bón cho vừa” với kết luận đã biết trước. Chẳng hạn như trong phần lớn các nghiên cứu cơ cấu xã hội của xã hội xô-viết, đã chỉ nhấn mạnh một chiều đến việc san bằng khác biệt giữa các giai cấp và những khác biệt khác, và rõ ràng đã không chú ý đầy đủ sự xuất hiện các cơ sở phân hóa mới, liên quan đến các thu nhập trong bóng tối, để cương vị trong hệ thống chính trị và kinh tế.

Chúng ta đã dành một phần rất nhỏ cho công tác xây dựng lý luận cơ bản của xã hội học. Có nhiều nguyên nhân, nhưng sự kiện vẫn là sự kiện. Hôm nay, các nhà văn, các nhà viết kịch, những người làm phim trình bày các tác phẩm được làm trong những năm trước, khi mà các tác phẩm đó không được hiểu đúng. Và bây giờ, chúng hết sức cần thiết cho xã hội xô-viết. Nhưng các nhà xã hội học có thể làm theo những tấm gương đó không? Hay làm thì cũng chỉ rất ít.

Chúng ta cũng phải tự trách mình về tính tích cực công dân không đầy đủ trong cuộc đấu tranh nhằm thiết chế hóa xã hội học. Mặc dù không thể nói rằng không có cuộc đấu tranh này mà nó đã diễn ra một cách hệ thống và dai dẳng. Nói cách khác, xã hội học không đạt được gì nhiều như đã nói trên - nhưng sau khi bị từ chối liên tiếp, với thời gian, chúng ta đã thỏa hiệp với sự không thừa nhận xã hội học như một khoa học độc lập của bộ Đại học Liên Xô, với việc là các bộ mà chúng ta gửi đến báo cáo và kiến nghị đã

không chiếu cố đọc chúng, và thỏa hiệp với việc cơ sở thông tấn của xã hội học đã bị thu hẹp lại.

Cuối cùng, phải thừa nhận rằng chúng ta đã không hề tỏ ra mong muốn và không biết liên kết lại để giải quyết những vấn đề lớn, buộc những nhu cầu cá nhân của mình phải phục tùng xã hội. Sự mâu thuẫn và xích mích giữa các nhóm riêng biệt các nhà khoa học, sự không muốn hiểu và thừa nhận nhau đã đưa đến tình trạng rối loạn của hàng loạt tập thể xã hội học có triển vọng. Chính sách cán bộ đặc biệt đã bổ sung thêm điều đó, kết quả là các nhà xã hội học nổi tiếng nhất và có chuyên môn cao đã buộc phải rời khỏi Viện nghiên cứu xã hội học, và trong thời gian gần đây, khỏi Viện những vấn đề kinh tế - xã hội, Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô, đến các Viện nghiên cứu chuyên ngành khác và hiện đang làm việc đơn độc “xa trung tâm” xã hội học. Do chính sách như thế, đã làm biến mất, trên thực tế, trường phái xã hội học Leningrad nổi tiếng một thời và làm suy yếu nghiêm trọng thành phần cán bộ của Viện Nghiên cứu xã hội học Liên Xô, mà nguyên tắc nó phải thực hiện tốt nhất chức năng là một trung tâm lý luận - phương pháp luận nghiên cứu xã hội học toàn Liên bang.

Như vậy, chúng ta phải tự trách mình. Nhưng nếu chỉ giới hạn ở sự thừa nhận này, chúng ta ngay lập tức sẽ rơi vào khuyết điểm nói một nửa sự thật. Sự thật đầy đủ đòi hỏi phải xem xét cả những điều kiện xã hội cho phép xã hội học phát triển trong 15 - 20 năm lại đây và về cơ bản, hiện nay nó còn giữ nguyên. Chúng ta hãy dừng lại xem xét kỹ hơn.

Vị trí xã hội học như một khoa học

Hầu như trong hai thập kỷ, người ta đã kéo dài sự tranh cãi về đối tượng của xã hội học Mác - Lê nin, và theo tôi nghĩ, nó phải được coi như một khoa học hoàn chỉnh. Đa số các nhà khoa học đồng ý rằng, xã hội học - đó là khoa học về tính quy luật của sự hoạt động, phát triển và tương tác của các cộng đồng xã hội các loại khác nhau. Theo cách hiểu như vậy, đối tượng của xã hội học là xã hội con người, được đặc trưng bởi cơ cấu xã hội nhất định, bởi những kiểu đặc thù của gia đình... Định nghĩa như vậy về đối tượng cho phép, theo quan điểm của tôi, biểu thị đủ chính xác vị trí của xã hội học trong hệ thống các khoa học xã hội, và đặc biệt, phân biệt nó với chủ nghĩa công sản khoa học, điều đó hết sức quan trọng trong việc khẳng định địa vị pháp lý của nó. Tuy vậy vị trí xã hội học như một khoa học độc lập vào lúc này vẫn chưa được mọi người thừa nhận một cách đầy đủ. Điều đó được thể hiện ở các yếu tố có thể là không lớn lắm, nhưng tổng hợp các yếu tố ấy lại thì rõ ràng là chúng kìm hãm nhịp độ phát triển thật sự của khoa học.

Sau đây là một số trong các yếu tố đó. Trái với truyền thống hàn lâm, việc đặt tên Viện theo tên gọi của các khoa học tương ứng (ví dụ, Viện triết học, Viện lịch sử học, Viện kinh tế học, Viện hóa học, Viện vật lý...), cơ quan khoa học duy nhất về chuyên ngành xã hội học được gọi là Viện nghiên cứu xã hội học (có lẽ để tránh danh từ “xã hội học”) Thay vì gọi “Những vấn đề xã hội học” tương tự như “Những vấn đề kinh tế” hay “những vấn đề triết học”, tạp chí của chúng ta có tên là “Nghiên cứu xã hội học”.

Trong hệ thống giáo dục đại học của đất nước, không có một khoa học xã hội học nào, còn các tổ bộ môn xã hội học có thể đếm trên đầu ngón tay. Đặc biệt đáng lo ngại là sự vắng mặt bộ môn xã hội học ở Viện Hàn lâm khoa học xã hội trực thuộc Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô. Trong trường Đại học tổng hợp quốc gia Moskva và trường Đại học tổng hợp quốc gia Leningrad có chuyên ngành không phải Xã hội học, mà là “Xã hội học ứng dụng”. Có thể nói tương tự như thế về chuyên ngành bảo vệ các luận án xã hội học, dường như những vấn đề lý luận xã hội học nói chung không còn gì phải bàn đến nữa.

Không có chuyên ngành của các nhà xã hội học trong danh sách các chuyên gia được phân phối công tác qua ủy ban kế hoạch Nhà nước Liên Xô. Vai trò và địa vị pháp lý của xã hội học không được xác định trong xã hội.

Có thể nghĩ rằng, tất cả những điều đó không phải là tập hợp những gì ngẫu nhiên đáng tiếc, mà là phản ánh sự phủ nhận hoàn toàn có ý thức những đòi hỏi xã hội học có vị trí của một khoa học độc lập

Tiêu biểu cho đến nay là lời phát biểu trên tạp chí “Thông tin trường Đại học tổng hợp quốc gia Leningrad” của giáo sư V. Ia. Elmêev. Trả lời câu hỏi xã hội học là gì, ông ta đáp: “Đó là lên gọi của toàn bộ hệ thống các khoa học xã hội, trong đó phát triển nhất là chủ nghĩa duy vật lịch sử kinh tế chính trị học và chủ nghĩa cộng sản khoa học”. Không tồn tại xã hội học như một bộ môn riêng biệt và đó là ý kiến của người lãnh đạo một ban xã hội học ứng dụng, một trong ba ban như thế ở trong nước. Cách đây không lâu, trong các văn bản của Hội nghị những người đứng đầu các bộ môn khoa học xã hội, xã hội học vẫn được coi như một môn triết học riêng biệt mà không phải như một khoa học độc lập.

Cần tiếp tục thể chế hóa xã hội học như một khoa học có đối tượng độc lập và đặc biệt cấp bách, xác định cụ thể vai trò và vị trí của nó trong việc giải quyết những nhiệm vụ của chiến lược đầy nhanh, tạo điều kiện cho sự phát triển đặc biệt của nó. Phải xác định địa vị pháp lý của các nhà xã hội học trong xã hội, trong các xí nghiệp và các cơ quan. Có ý nghĩa nguyên tắc là cần đổi tên Viên nghiên cứu xã hội học thành Viên xã hội học. Tạp chí nghiên cứu xã hội học thành tạp chí “Những vấn đề xã hội học”, chuyên ngành “xã hội học ứng dụng” thành “xã hội học”. Hơn thế nữa, phải tách chuyên ngành này ra khỏi “cái mũ” của các khoa học triết học và kinh tế học, để phong các nhà khoa học học vị trực tiếp về khoa học xã hội học. Cần đưa xã hội học vào số các môn học về thế giới quan, bên cạnh lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa cộng sản khoa học. Bố trí giảng dạy xã hội học ở chuyên môn hẹp hơn, cùng với việc nâng cao khối lượng công tác giáo dục ngoài giờ lên lớp.

Có thể và cần phải có sự thay đổi mang tính nguyên tắc về thái độ đối với xã hội học như một khoa học ở cấp cao nhất của Đảng và Nhà nước.

Bảo đảm cán bộ cho xã hội học.

Công thức “Xã hội học không có các nhà xã hội học” phản ánh rõ ràng nhất tình hình cán bộ. Vì trong nước không đào tạo cán bộ xã hội học, nên ngay cả các chuyên gia đầu đàn của chúng ta, nói nghiêm khắc ra, cũng là tự học. Sự thực, đã 1/4 thế kỷ thế hệ các nhà khoa học cũ đã tích lũy được những tri thức không nhỏ và có thể truyền lại thành quả cho các thế hệ sau. Tuy vậy, phổ biến nhất là việc “truyền đạt” được thực hiện hoặc là trong nội bộ tập thể xã hội học, hoặc là qua chế độ nghiên cứu sinh hoặc thực tập sinh. Trong các trường hợp như vậy, diễn ra sự sản xuất “hàng hóa đơn chiếc” và việc giáo dục đại chúng các nhà xã hội học ở Liên Xô trong những năm qua không có và hiện nay vẫn không có. Năm 1984, ở trường Đại học tổng hợp Moskva và Đại học tổng hợp Leninarad đã thành lập bộ môn xã hội học ứng dụng, nhưng thứ nhất, chúng nhỏ, thứ hai là hầu như không lôi cuốn được các nhà xã hội học chuyên nghiệp tham gia giảng dạy. Chất lượng các cán bộ được đào tạo bằng con đường như vậy khiến cho người ta phải nghi ngờ. Chậm chạp và với nhiều khó khăn, việc giảng dạy môn học xã hội học đã được hình thành trong hệ thống các trường nâng cao nghề nghiệp các trường đại học chuyên dạy về chủ nghĩa Mác-lênin. các khoa chuyên môn về khoa học xã hội. “Tình trạng chân không” cán bộ xã hội học được lấp đầy bởi những người không có chuyên môn, nó làm giảm trình độ của các công trình nghiên cứu xã hội học. làm tổn hại uy tín của khoa học. Để khắc phục tình trạng bất thường do những quan điểm bảo thủ của Bộ Đại học Liên Xô cần tạo ra, khẳng định và thực hiện hàng loạt chương trình phát triển việc giáo dục xã hội học. Chương trình đó có thể bao gồm:

1. Thành lập khoa và phân khoa xã hội học tại các trường đại học tổng hợp ở các tập thể xã hội học chuyên nghiệp, phải bảo đảm có hiệu quả việc đào tạo ở trình độ đủ cao. Những thành phố như thế là Gorki, Kubusev, Nôvôxibiaxk, Minxk, Odexa, Perm, Sverlovxk, và một số thành phố khác.

2. Mở trong các trường đại học kinh tế đầu đàn và các khoa kinh tế của các thành phố có các trường chuyên nghiệp lớn (các trường kỹ thuật, nông nghiệp, thương nghiệp và tương tự) bộ môn “xã hội học ứng dụng” hoặc “xã hội học kinh tế”. Tùy theo tình hình cán bộ giảng dạy mà đưa vào kế hoạch học tập của các trường trên giáo trình chuyên môn xã hội học và tâm lý học xã hội, có tính đến tổng số học sinh.

3. Thành lập một cách triệt để hệ thống đào tạo và nâng cao nghiệp vụ cho các nhà xã hội học không được đào tạo chuyên về xã hội học thông qua các khoa về khoa học xã hội, các trường Đại học chuyên dạy chủ nghĩa Mác-lênin, các trường nâng cao nghiệp vụ và các hình thức khác, để đảm bảo nhu cầu về cán bộ không chỉ cho hiện tại mà cho cả tương lai.

4. Mở rộng hệ thống đào tạo xã hội học cho cán bộ các cơ quan Đảng. Xô-viết và kinh tế, những người lãnh đạo và chuyên gia chủ chốt của các xí nghiệp, cán bộ hoạt động của các tổ chức xã hội, thông qua trường Công đoàn cao cấp, các khoa chuyên môn các hội thảo khoa học xã hội ở thành phố.

5. Đẩy mạnh việc xuất bản sách báo giáo khoa phương pháp và phổ thông về xã hội học, để bằng các hình thức khác nhau, giao dục và tự giáo dục ở các mức độ học khác nhau.

Tình hình thống kê xã hội.

Những nghiên cứu mà trong quá trình của chúng, các giả thuyết này khác được kiểm tra, chỉ là một phần không lớn thông tin về đời sống xã hội của xã hội. Ở đây, vai trò chủ yếu thuộc về các thống kê xã hội quốc gia, ghi lại một cách có hệ thống những quá trình nhân khẩu, kinh tế và xã hội khác nhau. Sự tồn tại của các thống kê xã hội ở trình độ cao, kể cả các thăm dò dư luận xã hội, tạo cho các nhà khoa học khả năng tập trung giải quyết những vấn đề phức tạp nhất. Về phần mình, họ có thể tác động về phương pháp luận và phương pháp đến sự phát triển của các thống kê xã hội.

Trong số các nước phát triển, thống kê xã hội và cơ sở vững chắc của các nghiên cứu xã hội học. Các số liệu của nó được xuất bản rộng rãi và mang sức nặng tư tưởng lo lớn. Ví dụ, chính phủ Nhật Bản hàng năm xuất bản một số lượng lớn báo cáo thống kê - xã hội học tỉ mỉ về “đời sống quốc dân”. Bên cạnh sự phân tích cụ thể tình hình xã hội diễn ra trong năm, còn đưa ra những chỉ số đa dạng trong 10-15 năm, đồng thời các số liệu thống kê của mỗi phần báo cáo đều được đối chiếu với kết quả trung cầu ý kiến nhân dân.

Ở các nước xã hội chủ nghĩa, Hungari có thống kê xã hội phát triển nhất. Những khảo sát thống kê xã hội học dựa trên sự lựa chọn trong cả nước và bao gồm phạm vi rộng những vấn đề và được bổ sung bằng hàng hai chục “bảng”, xoay quanh sự quan sát sơ bộ về số phận của các nhóm dân cư khác nhau. (Chẳng hạn như các gia đình trẻ những người tốt nghiệp trường đại học nào đó v.v...). Các cơ quan thống kê chuyển chúng cho các nhà khoa học để hoàn thiện các số liệu.

Ở Liên Xô, vấn đề diễn ra hơi khác. Trong số các nước phát triển, chúng ta chiếm một trong những vị trí cuối cùng ở lĩnh vực này. Tôi nói rằng, theo tôi thì cần coi thống kê xã hội không thể là những cái nằm trong kho lưu trữ của Cục thống kê trung ương mà một số kết quả lập số liệu phải được xuất bản rộng rãi và phục vụ đông đảo quần chúng.

Một số năm về trước, các nhà khoa học Nhật Bản có thiện chí với chúng ta hỏi tôi rằng vì sao ở Liên Xô không có các thống kê xã hội. Sau khi nhận xét rằng trong sách báo Nhật Bản có rất nhiều điều bịa đặt dối trá về sự phát triển xã hội Liên Xô, họ phản nản không thể tìm được các số liệu cần thiết để cải chính những thông tin bịa đặt. Các nhà xã hội học các nước khác cũng phát biểu ý kiến tương tự. Nhưng điều chủ yếu thống kê xã hội là cực kỳ cần thiết đối với bản thân chúng ta.

Sau những kỷ niệm đáng buồn những năm 30, thống kê xã hội đã không được phục hồi đầy đủ. Vào những năm 60 – đầu những năm 70, người ta nhận thấy có chuyển biến tích cực, nhưng ngay lập tức sự phát triển thống kê xã hội lại bị hạn chế. Chẳng hạn như việc xuất bản số liệu thống kê dân cư toàn Liên bang ngày một trở nên nghèo nàn hơn (hầu như đã biến mất hết), các phần thông tin mới bị “đóng cửa”.

Chúng ta đã quen là ở Liên Xô không xuất bản các số liệu và mức độ phổ biến phạm tội, tin số các vụ tự sát, mức độ tiêu thụ rượu, ma túy, tình hình sinh thái ở các thành phố và các khu vực khác nhau, mặc dù tất cả các sự kiện này là đối tượng theo dõi của thống kê trong các nước kinh tế phát triển. Nhưng giải

thích như thế nào về sự biến mất của việc xuất bản các thông tin về sự di dân giữa các khu vực, giữa thành thị và nông thôn? Vì sao không có số liệu về cơ cấu tỷ lệ mắc bệnh trong nhân dân? Vì sao lại hà tiện cả những số liệu về sự phân hóa mức độ và cơ cấu thu nhập phúc lợi của dân cư? Ngay cả nếu như trong các lĩnh vực này có tình trạng tiêu cực, thì phải chăng việc giúp cho công chúng chú ý đến tình trạng này, cùng nhau đánh giá các phương pháp giải quyết vấn đề, lại không đúng hay sao? Đường lối cải tổ hệ thống các quan hệ xã hội được thông qua tại đại hội lần thứ XXIV Đảng Cộng sản Liên Xô cần chính quan điểm như vậy. .

Khách quan mà nói, trong những năm gần đây, sự tranh luận và phân tích thông tin xã hội đã được mở rộng đáng kể. Nhưng các tổ chức khoa học nhận được từ Cục thống kê trung ương các số liệu ngày càng khó khăn hơn; vì hàng loạt chương ngại vật quan liêu tinh vi. Nói riêng, các nhà khoa học Xibia thường đơn giản là rút lui khỏi “trận địa”, từ chối cuộc đấu tranh kéo dài này vì nhận thông tin trong thời gian đến công tác tại Moskva là điều không thể được. Trong khi đó, việc có thống kê xã hội, không chỉ đối với các nhà khoa học, mà đối với cả các tầng lớp quần chúng rộng rãi là có ý nghĩa nguyên tắc và là cách trực tiếp nhất liên hệ với tính công khai của đời sống xã hội. Giấu giếm mọi người bằng chứng về những điều kiện sinh hoạt riêng biệt của họ (ví dụ mức độ ô nhiễm môi trường, mức độ tai nạn lao động, sự phổ biến phạm tội vv...) thì không thể hoạt chờ ở họ sự phát triển tích cực trong phạm vi sản xuất lẫn trong chính trị. Chỉ có thể nhận được sự tin cậy và ủng hộ của mọi người khi đáp ứng lòng tin của chính họ. “Không có tính công khai - M.X.Gorbachôv nhận xét - thì không và không thể có dân chủ, sự sáng tạo chính trị của quần chúng, sự tham gia của họ vào quản lý. Đó là ... sự đảm bảo nhà nước thẩm quyền ý thức trách nhiệm đối với sự nghiệp của hàng chục triệu công nhân, nông trang viên, trí thức, điểm xuất phát của cải tổ tâm lý của cán bộ chúng ta”.

Sự vắng mặt các thống kê xã hội buộc các tập thể xã hội học phải thu thập không chỉ những thông tin chuyên sâu, mà cả những thông tin xã hội - nhân khẩu đơn giản nhất về thành phần dân cư, về sự phân bố theo lãnh thổ các yếu tố có sở hạ tầng xã hội - sinh hoạt, thu nhập và phúc lợi của các nhóm xã hội khác nhau. Trong khi đó, các nghiên cứu khoa học không thể và không cần thiết phải cạnh tranh với các thống kê của nhà nước cả về tính đại diện, cả việc ôm những vấn đề nghiên cứu, cả về tinh thần của việc thu thập số liệu, cả việc so sánh kết quả. Sự làm lại những nhiệm vụ của Cục thống kê trung ương như vậy rốt cuộc đã giới hạn các tập thể nghiên cứu trong việc hoàn thành chức năng khoa học của mình.

Tôi nhận thấy những kết quả bước đầu đổi mới sự lãnh đạo Cục thống kê trung ương Liên Xô đã bắt đầu cải thiện mối quan hệ với khoa học. Do kết quả của những thoả thuận cụ thể những vấn đề với Phân viện kinh tế Viện hàn lâm khoa học Liên Xô, Cục thống kê trung ương đã nhận nhiệm vụ giải quyết và thực tế để giảm nhẹ công tác cho các nhà kinh tế sử dụng thông tin thống kê. Tiếp đó, thực chất cần mở rộng việc giải quyết như trên đối với các tập thể xã hội học trong Phân viện triết học và pháp luật, Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô, thứ hai, và là điều chủ yếu, tăng cường việc lập ra trong nước những thống kê xã hội có đủ giá trị, đó là điều kiện quan trọng để tăng cường tính tích cực của mọi người xô-viết.

Mối liên hệ với thực tiễn, sự ứng dụng kết quả nghiên cứu.

Vì một trong những chức năng của xã hội học là bảo đảm về mặt khoa học cho công tác quản lý, phần lớn những nghiên cứu xã hội học đều nhằm “giúp ích cho thực tiễn”. Tuy nhiên sự tham gia thực sự của các nhà xã hội học trong hoạt động quản lý không lớn, nói thật ra khó gọi nó là kho giải quyết được những nhiệm vụ quản lý lớn, đụng chạm đến những nhu cầu cụ thể của các tầng lớp và nhóm xã hội, việc giải quyết này dựa trên các nghiên cứu xã hội học sơ bộ và chọn mẫu đáng tin cậy. Tuy vậy, không phải không tìm những ví dụ mâu thuẫn. Tôi nhớ lại những đường lối vô căn cứ để thay thế kinh tế cá thể vào đầu những năm 60, việc chuyển ồ ạt các Nông trang tập thể thành nông trường đã phá hoại chế độ hạch toán kinh tế trong nông nghiệp, sự phân chia các điểm cư dân nông thôn thành những điểm có triển vọng và không có triển vọng, đã đẻ ra mạng lưới di cư ở nhiều khu vực nông thôn của đất nước, việc xây dựng ồ ạt

ở các vùng nông thôn những tòa nhà cao tầng khiến người dân phải sống trong đó lại mong muốn quay trở về ngôi nhà riêng của họ; việc xóa bỏ các trường học nhỏ ở nông thôn đã đẩy mạnh làn sóng di dân ra thành thị.

Sự giám định quốc gia nhưng dự án lớn nhất (chẳng hạn việc di chuyển một phần dòng chảy các con sông ở Xibia và ở miền bắc xuống khu vực phía nam, việc chinh phục các vùng BAM) theo nguyên tắc được thực hiện không có sự tham gia hoặc tham gia tối thiểu của các nhà xã hội học. Rõ ràng là không lôi cuốn các nhà xã hội học vào công tác lập dự án, xây dựng, kiểm tra và kết luận những thực nghiệm kinh tế xã hội. Điều đó; trước hết do người ta không có nhu cầu xây dựng trên cơ sở xã hội học cho những quyết định, do không sẵn sàng tiếp nhận thông tin xã hội học của đa số mọi người, do không có ý thức về vai trò của tri thức xã hội. Không phải ngẫu nhiên mà các kiến nghị xã hội học được đưa ra 10-12 năm về trước đến bây giờ mới được sử dụng.

Cần bổ sung thêm rằng, thay cho sự đối thoại với các cơ quan quản lý; xã hội học thường buộc phải tự hài lòng với sự độc thoại. Thực ra, đối với những báo cáo gửi đến các cơ quan nhà nước, chúng ta thường không nhận được câu trả lời, chúng ta không biết những tài liệu trình bày được đánh giá và sử dụng như thế nào, những đề nghị của chúng ta có được thừa nhận hay không, những vấn đề nào cần được nghiên cứu bổ sung v.v...

Việc không có đối thoại hoàn chỉnh giữa các nhà xã hội học và thực tiễn quản lý dẫn đến thiệt hại cho cả hai phía. Xã hội học buộc phải xa rời thực tiễn; không có thói quen giải quyết những vấn đề đặt ra, trở thành tư biện nếu không nói là giáo điều. Điều này cũng làm giảm đi rất nhiều uy tín của nó trong con mắt các cán bộ quản lý, hạn chế lời kêu gọi giúp đỡ của xã hội học và rốt cuộc đưa đến sự vô căn cứ xã hội của quản lý

Như tôi đã nói, cần sửa chữa tình hình trên cả hai mặt. Một mặt, các nhà xã hội học phải dốc toàn lực để nâng cao hiệu quả, mục tiêu và phương hướng quản lý hiện thực của những kiến nghị, để những kiến nghị này chứa đựng câu trả lời không chỉ đối với những vấn đề cần phải làm, mà còn cả ai làm và làm như thế nào, cũng như những hậu quả có thể có của những quyết định xã hội học sẽ xảy ra.

Mặt khác, các cán bộ quản lý cần quan tâm nhiều hơn đến xã hội học mà không có nó, hôm nay thực sự không thể giải quyết bất kỳ vấn đề xã hội nghiêm chỉnh nào. Cần xác định cơ chế quy chế hợp pháp của xã hội học trong mối quan hệ với quản lý bảo đảm quyền đại diện của các nhà xã hội học trong việc giám định quốc gia của ủy ban kế hoạch Nhà nước Liên Xô và Ủy ban kế hoạch các nước cộng hòa, tăng cường sự tham gia của nó trong các thể nghiệm kinh tế - xã hội.

Khả năng tham gia tích cực của xã hội học vào quá trình thực tiễn cải tổ xã hội bị giới hạn, như tôi đã nói, bởi sự chuyển môn hóa không đầy đủ của các tập thể xã hội học, sự phân công lao động yếu của họ. Chẳng hạn như, khoa học bác học đóng vai trò “gốc rễ” trong gia đình xã hội học, nó cần giải quyết những vấn đề lý luận - phương pháp luận và phương pháp, còn xã hội học ở cấp độ các trường đại học có trách nhiệm đào tạo đội ngũ chuyên gia. Đối với cả hai loại đó, các nghiên cứu có định hướng, quản lý chỉ là một trong những khía cạnh của hoạt động khoa học. Có nghĩa là cần phát triển nhanh chóng những hướng xã hội học chuyên theo dõi những giải pháp về quản lý. Phương hướng như vậy chỉ có thể được hình thành bên trong chính các cơ quan quản lý. Bây giờ nói về sự phục vụ của xã hội học ứng dụng ở các cơ quan Đảng, đoàn thanh niên cộng sản, các bộ ngành, các liên hợp sản xuất và xí nghiệp. Tôi sẽ dừng lại vấn đề này kỹ hơn.

Sự phát triển xã hội học ứng dụng.

Mặc dù xã hội học ứng dụng đã hình thành từ 10 năm trước, trình độ phát triển của nó vẫn không cao. Trong nước có khoảng một nghìn ban xã hội học ứng dụng. Phần lớn chúng tập trung trong công nghiệp, phần ít hơn trong xây dựng và rất ít trong hệ thống quản lý của Đảng, Đoàn thanh niên và Xô-viết, các cơ

quan quản lý khu vực và các cơ quan văn hóa. Theo sự đánh giá gần đúng, các ban như thế có trong 2% các xí nghiệp công nghiệp. Đồng thời, 1/3 trong số các ban này có 1 cán bộ, 1/3 có từ 2 – 3 cán bộ, 20% có 4 - và chỉ 13- 14% có hơn 8 cán bộ.

Có thể phân ra những nguyên nhân chủ yếu sau đây đã kìm hãm sự phát triển xã hội học ứng dụng. Trước hết đó là vai trò yếu kém của các chỉ số xã hội học trong hệ thống đánh giá hoạt động của xí nghiệp và những người lãnh đạo, sự vô trách nhiệm thực sự đối với việc giải quyết các vấn đề xã hội của các cơ quan Nhà nước, Đảng, công đoàn. Và sau đó là trình độ thấp về nghề nghiệp của các nhà xã hội học ứng dụng, chỉ 1/20 trong số họ kinh qua đào tạo xã hội học tối thiểu, trong đó có ở các trường đại học chuyên dạy chủ nghĩa Mác-Lênin. Và cuối cùng là sự kém phát triển về phương pháp luận của công tác xã hội học ứng dụng, mà trung tâm của tình trạng này không hẳn là hoạt động nghiên cứu, mà chủ yếu là các hoạt động phân tích, thiết kế và ứng dụng, sự trang bị kém về phương pháp và kỹ thuật của các ban xã hội học ứng dụng, dẫn đến sự thống trị của phương pháp “ankét”. Trong tình trạng chuyên môn thấp của cán bộ, hơn 70% phương pháp hệ được các ban này tự sáng tạo ra.

Như chúng ta biết, tháng 4-1986, ủy ban lao động Nhà nước Liên Xô, Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô và Hội đồng trung ương các công đoàn Liên xô đã thông qua quyết định “Về việc hoàn thiện tổ chức công tác xã hội học ứng dụng trong các ngành kinh tế quốc dân”, mục đích là hoàn thiện chủ yếu công tác của các ban xã hội học ứng dụng. Tài liệu này đã khẳng định tình hình phục vụ phát triển xã hội của các xí nghiệp (các cơ quan, cán bộ). Đề cập đến sự ủng hộ công tác này từ phía Hội xã hội học Liên Xô, tôi nêu ra những điểm sau với tính chất là những bước đi cấp thiết:

Thứ nhất, tăng cường sự quan tâm để bảo đảm phương pháp luận xã hội học, lập sơ đồ tổng quát cho việc bảo đảm này, hình thành toàn bộ hệ phương pháp tiêu chuẩn hóa cho tất cả các trường hoạt động của các ban xã hội học ứng dụng.

Hai là - nhờ hội xã hội học Liên Xô để thu thập, lựa chọn, chỉnh lý và nhân bản hệ phương pháp và các tài liệu khác nói về kinh nghiệm tiên tiến của công tác xã hội học ứng dụng. Với mục đích này, trong 1 - 2 năm tới phải tiến hành cuộc thi kiểm tra toàn Liên bang về công tác của các ban xã hội học ứng dụng. Cần suy nghĩ về việc thành lập Trung tâm hạch toán về xã hội học ứng dụng trong hệ thống của ủy ban lao động nhà nước Liên Xô hoặc trong Hội Xã hội học Liên Xô với chức năng thông tin - phương pháp, giáo khoa và là cơ sở để phát triển.

Ba là - phong cấp cho cán bộ làm việc trong thành phần các ban xã hội học ứng dụng, cùng với việc cấp chứng chỉ nghiệp vụ thống nhất, tiếp đó các cán bộ này nhất thiết phải trải qua hệ thống trung tâm nâng cao nghiệp vụ (còn cần phải thành lập hệ thống này) tổ chức cho cán bộ các ban xã hội học thực tập ở các cơ quan xã hội học đầu ngành của đất nước.

Bằng những con đường này và những con đường khác nữa, đẩy mạnh sự phát triển xã hội học ứng dụng đòi hỏi có sự đánh giá tập thể và thực hiện trong thực tiễn.

Sự hạn chế đối tượng nghiên cứu xã hội học và giới hạn khả năng xuất bản kết quả của chúng.

Ở trên tôi đã nói về vai trò chính trị to lớn của việc thảo luận công khai những vấn đề xã hội cấp bách. Không hiếm những vấn đề mang tính chất của những “triệu chứng” bền vững, do đó cần phải đi sâu tìm hiểu nguồn gốc của các hiện tượng đó, cần có sự tư duy và giải thích lý luận nghiêm túc. Sau nữa, không thể không có sự thảo luận tự do và khách quan những vấn đề mới phức tạp. Ủy ban trung ương Đảng đã hướng chúng ta vào chính những vấn đề này. Cả trong Đại hội lần sau Đại hội, không chỉ một lần người ta vạch ra những tai hại đặc biệt của việc có các khu vực và các nhóm “nằm ngoài sự phê bình”. Có lẽ không kém tai hại hơn là vẫn tồn tại các khu vực và các nhóm “nằm ngoài nghiên cứu xã hội học”.

Xã hội là một hệ thống toàn vẹn, vì vậy “sự nhức nhối” trong một khu vực nào đó của nó thường lại là

do các quá trình biến động ở khu vực khác gây ra. Đồng thời, các nhà xã hội học khi đưa ra những vấn đề thực sự cấp bách trong các nghiên cứu của mình và cố gắng giải quyết những vấn đề phức tạp, gần đây và ngay cả hiện nay nữa, vẫn thường xuyên phải đụng đến dòng chữ “cấm vào”. Bản thân tôi cũng đã phải gặp gỡ những giới hạn, cả về đối tượng lẫn nội dung vấn đề nghiên cứu. Có những lúc, khi phải kể ra những điều được phép thảo luận trên sách báo khoa học, nói thứ lỗi, vẫn có những điều cấm kỵ. Tôi nói thẳng: khi còn có những giới hạn như thế thì không thể trông chờ ở khoa học những kiến nghị có hiệu quả. Đề yêu cầu nó có những đánh giá đaafy đủ, cần không chỉ cho phép mà phải đón nhận, khuyến khích, đặt hàng những nghiên cứu các vấn đề bệnh hoạn và gay gắt, đòi hỏi việc giải quyết vấn đề nhanh nhất. Ánh sáng của các nghiên cứu xã hội học phải rọi đến mọi ngóc ngách xa xôi nhất của đời sống xã hội, vạch trần những rác rưởi đã tích tụ và tạo điều kiện làm trong sạch ngôi nhà chung của chúng ta.

Bây giờ nói về việc xuất bản các công trình nghiên cứu xã hội học. Trong suốt một thời gian dài, thái độ của các nhà xuất bản trung ương và địa phương đối với những nghiên cứu đó còn thận trọng hơn cả những điều nói ở trên. Trong 10 năm gần đây, có một giới hạn những nhà xuất bản có quyền xuất bản sách báo xã hội học. Số Viện được phép tự xuất bản các tác phẩm xã hội học bị hạn chế. Các Viện nghiên cứu khoa học xã hội, khác với các Viện nghiên cứu khoa học tự nhiên, chỉ được quyền xuất bản các tác phẩm trong một chục trang in (*). Số lượng những bài báo của các tác giả, kể cả những người lãnh đạo tập thể khoa học, bị giới hạn bởi dung lượng của mỗi bài; sự cộng đồng chức năng của tác giả và người biên tập không được phép. Nói chung việc xuất bản các kết quả nghiên cứu xã hội học bị hạn chế bởi những qui tắc quan liêu đến mức là từ lúc chuẩn bị bản thảo đến khi xuất bản thường mất 3-4 năm. Trong điều kiện phát triển gia tốc của xã hội ở giai gian này, không chỉ những số liệu kinh nghiệm, mà cả những sự kiện khoa học cũng có thể bị cũ đi. Dù sao đi nữa, không cần nhắc lại về việc làm phong phú thêm nhận thức xã hội bằng các sự kiện và tư tưởng xã hội mới.

Cần bổ sung thêm rằng, đã số các chuyên khảo và tác phẩm xã hội học được xuất bản với số lượng nhỏ. Điều đó một phần do các tác phẩm đó chỉ mang tính chất khoa học hình thức, không có vấn đề, không thích hợp và không gây hứng thú gì đối với đông đảo người đọc. Thay vào đó, để kêu gọi ý thức, các tác phẩm này chỉ “hoan hỉ” với sự kiện là mọi việc đều tốt đẹp. Đôi khi có thể cho là dù sao chúng cũng đã “hoàn thành chức năng tuyên truyền. Trong khi đó, rõ ràng hôm nay sự “tuyên truyền” như thế không những không đạt mục đích, mà còn mang tác hại nghiêm trọng. Chính nó không động viên người ta giải quyết vấn đề, mà đúng hơn, tạo ra tâm lý dựa dẫm, ý nghĩ rằng sự tăng mức sống, hoàn thiện các điều kiện sinh hoạt được bảo đảm hai chế độ xã hội tiến bộ và không phụ thuộc vào nỗ lực cá nhân của họ. Việc tô hồng sự giàu có vật chất của những tỉnh, thành phố, ngành nào đó gây ra sự không thỏa mãn cao độ ở những người không nhận thấy “thành tựu” tương tự xung quanh mình. Cũng hết như thế, những dự báo quá lạc quan sự phát triển của đất nước (tỉnh, thành phố, xí nghiệp) gây ra sự hy vọng vô căn cứ và kết quả là vỡ mộng.

Cần mở rộng ảnh hưởng giáo dục của sách báo xã hội học trong các tầng lớp rộng rãi quần chúng. Các tài liệu và kết luận của các nghiên cứu được tiến hành phải được đưa đến quần chúng lao động thông qua báo, tạp chí phổ thông, radio, vô tuyến truyền hình sách “tri thức”, các tài liệu của TASS, APN. Đó cũng là một trong những điều kiện biến khoa học của chúng ta thành vũ khí trực tiếp của sự nghiệp cải tổ.

Thực hiện những biện pháp trên đây để đẩy mạnh và tăng tốc sự phát triển của xã hội học đòi hỏi cả thời gian lẫn nỗ lực không nhỏ. Thật ngây thơ nếu cho rằng ở đây không có khó khăn. Nhưng chúng sẽ không thể so sánh được với những thắng lợi mà đất nước nhận được do sự phát triển mạnh mẽ của xã hội học ở mức độ chất lượng cao hơn.

* 1 trang in tương đương tay sách (B T)

